

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2025**/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2025

Về việc ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến Đ và
chị Lương Thị H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Xuân Chinh;
- Ông Lưu Xuân Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày **30 tháng 6** năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2025 về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa **số: 27/2025/QĐST** – HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến Đ năm 1995

Bị đơn: Chị Lương Thị H năm 1989.

Đều trú tại: Thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Định

(Tại phiên tòa anh ĐHvắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Đ1 bày: Anh và chị Lương Thị H1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND (trước đây là xã Đ), huyện N, tỉnh Nam Định vào tháng 6 năm 2019. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, tình cảm lạnh nhạt, ít quan tâm nhau, mặc dù cả hai đã tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Từ tháng 3 năm 2024 đến nay, anh và chị Lương Thị H2 thân không đoàn tụ lại, không quan tâm nhau. Nay anh đề

ngợi Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lương Thị H3 con chung, anh và chị Lương Thị H4 hai con chung là Nguyễn Lương Tuấn C ngày 27/8/2018 và Nguyễn Lương T H1 sinh ngày 14/9/2020 đều đang ở cùng anh. Khi ly hôn, anh Đ2 được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị H3 nuôi con cho anh. Về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đ4 mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án xác định được chị Lương Thị H5 có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Chị H5 vắng mặt tại địa phương không rõ thời điểm trở về. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị H5 quy định pháp luật nhưng chị H5 đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án để Tòa án xem xét. Tại phiên tòa, chị H5 mặt không có lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến Đ2 chị Lương Thị H8

Về con chung: Giao anh Đ9 tục trực tiếp nuôi cả hai con chung là Nguyễn Lương Tuấn C ngày 27/8/2018 và Nguyễn Lương T H1 sinh ngày 14/9/2020. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ5 việc không yêu cầu chị H3 nuôi con cho anh. Về tài sản, anh Đ8 yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBNVQH/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Tiến Đ3 nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Tiến Đ4 mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chị Lương Thị H9 mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Anh Nguyễn Tiến Đ2 chị Lương Thị H10 hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N1, tỉnh Nam Định vào tháng 6 năm 2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Quá trình chung sống: Anh Nguyễn Tiến Đ2 chị Lương Thị H11 bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, vợ chồng thiếu sự quan tâm và tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 3 năm 2024 đến nay vợ chồng ly thân không đoàn tụ lại. Chị Lương Thị H1 được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không đến làm việc với Tòa án, không có văn bản trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, chứng tỏ chị H4 ý thức bỏ mặc hôn nhân. Vì vậy cuộc hôn nhân giữa anh Đ2 chị H12 có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến Đ5 việc ly hôn chị Lương Thị H13 phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung chưa thành niên: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Lương Tuấn C ngày 27/8/2018 và Nguyễn Lương T H1sinh ngày 14/9/2020. Xét điều kiện hoàn cảnh của các bên, nguyện vọng của đương sự và nguyện vọng của con chung chưa thành niên thấy: Từ khi anh Đ2 chị H2 thân cho đến nay, cháu C1 cháu H1ở cùng anh Đ6 anh Đ7 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không có hành vi nào làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của con chung. Cháu C2 nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn mong muốn được tiếp tục ở cùng bố. Để đảm bảo ổn định sinh hoạt, học tập và tâm lý của con chung chưa thành niên nên cần giao anh Đtiếp tục nuôi cả hai con chung, chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ8 yêu cầu chị Hcấp D nuôi con cho anh là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tiến Đ8 yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này anh Đ2 chị H4 yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung thì Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Tiến Đ3 nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 82, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến Đ2 chị Lương Thị H

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao anh Nguyễn Tiến Đ9 tục trực tiếp nuôi cả hai con chung là Nguyễn Lương Tuấn C ngày 27/8/2018 và Nguyễn Lương T H1sinh ngày 14/9/2020. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tiến Đ5 việc không yêu cầu chị Lương Thị H14 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị Lương Thị H4 quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Tiến Đ3 nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0005324 ngày 15 tháng 4 năm 2025.

4. *Về quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Tiến Đ10 quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, chị Lương Thị H4 quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã Nam Điền;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thọ